

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

MÃ NGÀNH: 7510605

(Ban hành kèm theo Quyết định số 367/QĐ-NTT ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Tên tiếng Anh: Logistics and Supply Chain Management

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Loại hình đào tạo: Chính quy

4. Khóa học áp dụng: 2020

5. Thời gian đào tạo: 3 – 3,5 năm

6. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

7. Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

8. Đơn vị đào tạo

- + Khoa Quản trị kinh doanh
- + Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM.
- + Điện thoại liên lạc: 028-62565693, Số lẻ: 222.

9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

- Phương thức 1: Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức 2: Xét điểm học bạ của học sinh THPT, thí sinh chọn 1 trong 3 phương thức sau: (1) Xét tổng điểm của tổ hợp 3 môn xét tuyển trong năm học lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên; (2) Xét điểm trung bình học bạ cả năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên; (3) Xét điểm trung bình 5 học kỳ gồm 2 học kỳ của năm lớp 10, 2 học kỳ của năm lớp 11 và học kỳ 1 của năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên.
- Phương thức 3: Xét điểm thi do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành tổ chức;
- Phương thức 4: Xét kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của ĐHQG Tp. HCM

Phương thức 5: Tuyển thẳng các học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế.

- Các tổ hợp môn xét tuyển:

(1) A00: Toán, Vật lý, Hoá

(2) A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

(2) D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

(4) D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định

- Cơ sở giáo dục Trường ĐH Nguyễn Tất Thành đạt chuẩn 4 Sao do tổ chức kiểm định QS STARS cấp năm 2019.
- Cơ sở giáo dục Trường ĐH Nguyễn Tất Thành đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo, do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQG TPHCM cấp năm 2017.

11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

Thị trường lao động yêu cầu sinh viên tốt nghiệp phải có các năng lực sau đây:

- **GA1.** Hoạch định, tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng của các tổ chức và doanh nghiệp trong thị trường trong nước và quốc tế;
- **GA2.** Lập kế hoạch nhu cầu, mua sắm, kiểm soát hàng tồn kho, xử lý nguyên vật liệu; giao nhận, xuất nhập khẩu, vận chuyển, kho bãi, đóng gói sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ, trong toàn bộ và từng khâu của chuỗi cung ứng;
- **GA3.** Xây dựng quan hệ người-người (Hỗ trợ đồng sự, Huấn luyện nhân viên, Đóng góp sáng kiến, Xây dựng mối quan hệ, Làm việc nhóm, Trao đổi kinh nghiệm, Tham gia hiệp hội nghề nghiệp);
- **GA4.** Năng lực giao tiếp (Thuyết trình, Đàm phán, Tranh luận, Giao tiếp bằng cử chỉ, Giao tiếp bằng văn bản, Giao tiếp xã hội, Sử dụng đa phương tiện trong giao tiếp, Đàm thoại xã hội, Ứng xử văn hóa, Xác định phong cách, Tạo sự tin cậy);
- **GA5.** Phát triển bản thân (Tìm kiếm, Thẩm tra, Phân tích, Đánh giá, Tư duy phản biện, Giải quyết vấn đề, Ngoại ngữ, Tin học quản lý, Tư duy sáng tạo, Tư duy hệ thống, Tư duy logic, Định hướng nghề nghiệp, Phân tích tình huống);
- **GA6.** Phẩm chất (Trách nhiệm xã hội, Đáng tin cậy, Trung thành, Hành xử chuyên nghiệp, Kiên định, Thích ứng, Liêm chính, Đạo đức, Ham học hỏi, Cập nhật kiến thức, Khiêm tốn, Kiên nhẫn, Tập trung, Nỗ lực cạnh tranh, Đam mê, chịu khó).

12. Mục tiêu đào tạo

Sinh viên sau khi tốt nghiệp trở thành người:

- **PEO1.** Quản lý, tư vấn, điều hành và trực tiếp tri các hoạt động quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức, doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu đề ra một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.
- **PEO2.** Hoạch định chiến lược và phát triển các dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng cho các tổ chức, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam và hội nhập quốc tế.
- **PEO3.** Liên tục nâng cao kiến thức, sáng tạo và đổi mới đóng góp cho ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng, các ngành kinh tế - xã hội liên quan, mang lại lợi ích cho xã hội.

13. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có:

Kiến thức:

- **ELO1 (K1):** Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề;
- **ELO2 (K2):** Vận dụng kiến thức Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng vào thực tiễn vào các hoạt động của quá trình sản xuất kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp;
- **ELO3 (K3):** Phân tích các tác động của các yếu tố trong môi trường, sự đa dạng và toàn cầu hoá đến tổ chức và các quyết định Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;
- **ELO4 (K4):** Xây dựng kế hoạch Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang đến lợi ích cho khách hàng, cộng đồng và xã hội.

Kỹ năng

- **ELO5 (S1):** Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.
- **ELO6 (S2):** Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau.
- **ELO7 (S3):** Phối hợp làm việc với người khác một cách hiệu quả trong vai trò là một thành viên trong nhóm hay một nhà lãnh đạo truyền cảm hứng.
- **ELO8 (S4):** Vận dụng các phương thức làm việc khác nhau, các kỹ năng về kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào việc quản lý các lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
- **ELO9 (S5):** Khảo cứu thông qua một hệ thống các hoạt động thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định lượng; suy ngẫm, phán đoán và đưa ra kết luận cho các vấn đề Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

Thái độ

- **ELO10 (A1):** Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.
- **ELO11 (A2):** Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Programme Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực SVTN(GAs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)													
	PEO 1	PEO 2	PEO 3	ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11
GA1	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
GA2	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
GA3														
GA4		✓												
GA5								✓						✓
GA6														✓

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)										
	ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11
PEO1				✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PEO2		✓	✓								
PEO3	✓	✓		✓	✓	✓	✓				✓

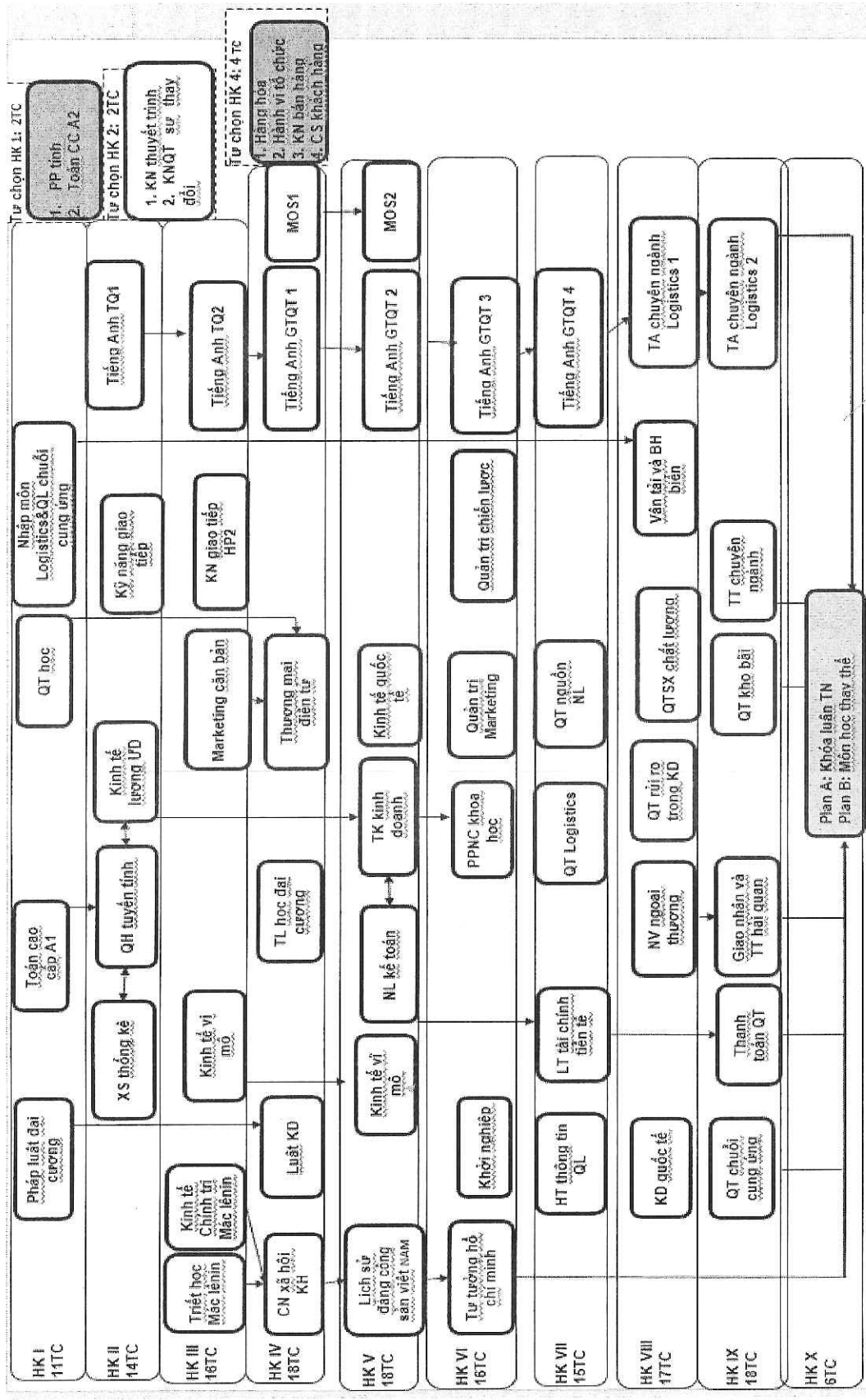
14.3. Môi liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1	Quản trị học (3 tín chỉ)	5	15	10,1 %
	Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)			
	Quản trị Sản xuất và chất lượng (3 tín chỉ)			
	Quản trị Marketing (3 tín chỉ)			
	Quản trị Chuỗi Cung ứng (3 tín chỉ)			
GA2	Quản trị Logistics (3 tín chỉ)	6	18	12,1%
	Quản trị nguồn nhân lực (3 tín chỉ)			
	Kinh doanh quốc tế (3 tín chỉ)			
	Quản trị rủi ro trong KD (3 tín chỉ)			
	Thương mại điện tử (3 tín chỉ)			
GA3	Quản trị Kho bãi (3 tín chỉ)	7	21	14,1%
	Vận tải và Bảo hiểm (3 tín chỉ)			
	Thủ tục giao nhận hải quan (3 tín chỉ)			
	Nghiệp vụ Ngoại thương (3 tín chỉ)			
	Kinh doanh Quốc tế (3 tín chỉ)			
	Thanh toán Quốc tế (3 tín chỉ)			
GA4	Hệ thống thông tin quản lý (3 tín chỉ)	6	13	8,7%
	Thực tập chuyên ngành (3 tín chỉ)			
	Phương pháp Nghiên cứu KH (3 tín chỉ)			
	Kỹ năng thuyết trình (2 tín chỉ)			
	Giao tiếp liên văn hóa (2 tín chỉ)			
	Chăm sóc khách hàng (2 tín chỉ)			
GA5	Hành vi tổ chức (2 tín chỉ)	10	28	18,8%
	Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)			
	Khởi nghiệp (2 tín chỉ)			
	Kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ)			
	Kỹ năng giao tiếp HP 2 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh tổng quát và Tiếng Anh GTQT (6 môn-18 tín chỉ)			
GA6	Tin học MOS1 và MOS2 (4 tín chỉ)	2	4	2,7%
	Tiếng Anh chuyên ngành (2 môn - 6 tín chỉ)			
	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)			
	Luật kinh doanh (2 tín chỉ)			

15. Cấu trúc chương trình đào tạo

<p>CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (25TC) CHÍNH TRỊ (11 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học Mác-Lenin (3 TC) 2. Kinh tế Chính trị Mác-Lenin (2 TC) 3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2 TC) 4. Lịch sử Đảng CSVN (2 TC) 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC) <p>KHỞI NGHIỆP (2 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi nghiệp (2 TC) <p>PHÁP LUẬT (2 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật đại cương (2 TC) <p>TOÁN (6 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Toán cao cấp A1 (2 TC) 2. Xác suất thống kê (2TC) 3. Quy hoạch tuyến tính (2TC) <p>TÂM LÝ (2TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tâm lý học đại cương (2TC) <p>TỰ CHỌN (2 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Toán cao cấp A2 (2TC) 2. PP tính (2TC) 	<p>CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (32 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhập môn Logistics và QL chuỗi cung ứng (2TC) 2. Kinh tế vi mô (3TC) 3. Kinh tế vĩ mô (3TC) 4. Marketing căn bản (3TC) 5. Quản trị học (3TC) 6. Thống kê kinh doanh (2TC) 7. Kinh tế lượng ứng dụng (3TC) 8. Luật kinh doanh (2TC) 9. LT tài chính tiền tệ (3TC) 10. Kinh tế quốc tế (3TC) 11. Nguyên lý kế toán (3TC) <p>TỰ CHỌN : (2TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ năng thuyết trình (2 TC) 2. Kỹ năng QL sự thay đổi (2TC) 	<p>CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (42TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thương mại điện tử (3TC) 2. Tiếng Anh CN Logistics 1 (3TC) 3. PPNC Khoa học (3TC) 4. QT sản xuất và chất lượng (3TC) 5. QT Marketing (3TC) 6. QT chiến lược (3TC) 7. QT nguồn nhân lực (3TC) 8. QT rủi ro trong KD (2TC) 9. QT Logistics (3TC) 10. Tiếng Anh CN Logistics 2 (3TC) 11. QT kho bãi (3TC) 12. HT thông tin quản lý (3TC) 13. QT chuỗi cung ứng (3TC) <p>TỰ CHỌN: (4TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hàng hóa (2TC) 2. Hành vi tổ chức (2TC) 3. Kỹ năng bán hàng (2TC) 4. Chăm sóc khách hàng (2TC) 	<p>LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG (149 TC)</p>
<p>BỘ TRỢ ĐẠI CƯƠNG (26 TC) NGOẠI NGỮ (18TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếng Anh TQ 1 (3 TC) 2. Tiếng Anh TQ 2 (3 TC) 3. Tiếng Anh GTQT 1 (3 TC) 4. Tiếng Anh GTQT 2 (3 TC) 5. Tiếng Anh GTQT 3 (3TC) 6. Tiếng Anh GTQT 4 (3TC) <p>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tin học MOS 1 (2TC) 2. Tin học MOS 2 (2TC) <p>PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG (4 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ năng giao tiếp 1 (2 TC) 2. Kỹ năng giao tiếp HP 2 (2TC) 	<p>MÔN CHUYÊN SÂU (15TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán quốc tế (3TC) 2. Vận tải và bảo hiểm (3TC) 3. Nghiệp vụ ngoại thương (3TC) 4. Giao nhận và thủ tục hải quan (3TC) 5. Kinh doanh quốc tế (3TC) 	<p>TRẢI NGHIỆM THỰC TIỄN (3TC)</p> <p>Thực tập chuyên ngành logistics và QL chuỗi cung ứng (3TC)</p>	
<p>TỐT NGHIỆP (6 TC)</p> <p>Khóa luận TN/hoặc môn học thay thế (6TC)</p>			

16. Sơ đồ hóa Kế hoạch đào tạo



Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng khoá 2020

17. Đối sánh chương trình đào tạo

17.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

TT	KQHTMD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	KQHTMD của Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM	KQHTMD của Trường đại học Quốc tế TP.HCM (Chương trình dạy bằng tiếng Anh	Tỉ lệ (%) giống nhau
1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề;	Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics.	Sinh viên tốt nghiệp có hiểu biết, chấp hành đúng dẫn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có thể giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.	Tương đồng
2	Vận dụng kiến thức Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng vào thực tiễn vào các hoạt động của quá trình sản xuất kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp;	Vận dụng kiến thức tổng quan về Logistics để khai thác các nguồn lực trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Logistics như: Đóng gói, lưu kho, giao nhận, vận tải, bảo hiểm... để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh.	Kiến thức toàn diện và kỹ năng về công nghệ cần thiết để đảm bảo có thể thực hiện những công việc trong ngành quản lý chuỗi cung ứng.	Rất tương đồng
3	Phân tích các tác động của các yếu tố trong môi trường, sự đa dạng và toàn cầu hoá đến tổ chức	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về sản xuất kinh doanh.	Đánh giá và nhận định sự đa dạng trong kinh doanh và môi trường quản lý chuỗi cung ứng	Tương đồng

TT	KQHTMD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và các quyết định Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;	KQHTMD của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM	KQHTMD của Trường Đại học Quốc tế TP.HCM (Chương trình dạy bằng tiếng Anh)	Tỷ lệ (%) giống nhau
4	Xây dựng kế hoạch Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang đến lợi ích cho khách hàng, cộng đồng và xã hội;	Điều tra nghiên cứu, thực nghiệm và khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau đề ra các giải pháp trong sản xuất kinh doanh.	Khả năng nhận biết, lập công thức, mô hình, mô phỏng và giải quyết các vấn đề của logistics và chuỗi cung ứng	Rất tương đồng
5	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề; Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau; Phối hợp làm việc với người khác một cách hiệu quả trong vai trò là một thành viên trong nhóm hay một nhà lãnh đạo truyền cảm hứng	Có khả năng lãnh đạo và làm việc hiệu quả với nhóm đa tính cách, đa văn hóa. Giao tiếp chuyên nghiệp dưới nhiều hình thức. Có tư duy phân biện và toàn diện trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế.	Có khả năng giao tiếp hiệu quả, bao gồm giao tiếp nói, viết và các dạng khác Có tính chủ động, tích cực, cầu tiến, sáng tạo trong công việc.	Tương đồng

TT	KQHTMD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	KQHTMD của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM	KQHTMD của Trường Đại học Quốc tế TP.HCM (Chương trình dạy bằng tiếng Anh	Tỉ lệ (%) giống nhau
6	Thông thạo trong giao tiếp, đọc và hiểu được các tài liệu viết bằng tiếng Anh, đạt Chứng chỉ TOEIC từ 500 trở lên và đạt Chứng chỉ MOS về tin học.	Có khả năng đọc hiểu và giao tiếp bằng ngoại ngữ (Toeic 500 và các chứng chỉ tương đương)	Đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu là 550 TOEFL pBT hoặc các chứng chỉ khác có điểm số tương đương, cụ thể là: 79 TOEFL iBT, hoặc 6.5 IELTS, hoặc 650 TOEIC	Tương đồng với ĐHSPKT
7	Áp dụng hiệu quả các quy trình, kỹ thuật và công nghệ thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh	Phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành hệ thống, dự án kinh doanh trong doanh nghiệp và bên ngoài xã hội.	Có tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả cao, tính chuyên nghiệp cao.	Tương đồng
8	Vận dụng kiến thức Kinh tế quốc tế & hội nhập để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức một cách sáng tạo;	Nhận thức được tầm quan trọng của bối cảnh xã hội đối với hoạt động kinh doanh và thể hiện trách nhiệm của người cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng đối với xã hội.	Có hiểu biết về các vấn đề đương thời trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Rất Tương đồng
9	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội	Giải quyết các vấn đề theo đạo đức nghề nghiệp. Phát triển kỹ năng cá nhân, rèn luyện thể chất và thái độ làm việc	Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp tốt. Có tinh thần yêu nước, yêu đồng bào, gắn bó và có tinh thần phục vụ cộng đồng tốt. Có tinh thần trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng.	Tương đồng

TT	KQHTMD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	KQHTMD của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM	KQHTMD của Trường đại học Quốc tế TP.HCM (Chương trình dạy bằng tiếng Anh	Tỉ lệ (%) giống nhau
10	Ý thức được sự cần thiết của việc học suốt đời; có khả năng tự học, tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của bản thân	chuyên nghiệp, góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, phát triển năng lực hội nhập quốc tế, học tập suốt đời.	Có nhận thức về sự cần thiết và khả năng tham gia vào việc học suốt đời để có thể làm việc hiệu quả trong bối cảnh những công nghệ mới liên tục xuất hiện.	Tương đồng

TT	KQHTMD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	ELOs of Curtin University of Technology (Australia)	ELOs of The Chinese University of Hongkong	Tỉ lệ (%) giống nhau
1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề;	Apply elements of supply chain management principles to support business operations by effectively managing elements of the supply chain and the supply chain as a whole	The ability to apply knowledge of mathematics, science, and engineering appropriate to the degree discipline	Similar
2	Vận dụng kiến thức Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng vào thực tiễn vào các hoạt động của quá trình sản xuất kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp;	Apply supply chain management theory to develop supply chains and components appropriate to a range of business organisations;	The ability to identify, formulate, and solve engineering problems. The ability to understand the impact of engineering solutions in a global and societal context, especially the importance of health, safety and environmental considerations to both workers and the general public.	Similar

TT	KQHTMD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	ELOs of Curtin University of Technology (Australia)	ELOs of The Chinese University of Hongkong	Tỉ lệ (%) giống nhau
3	Phân tích các tác động của các yếu tố trong môi trường, sự đa dạng và toàn cầu hoá đến tổ chức và các quyết định Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;	Conduct supply chain and supply chain component analyses for a range of business organisations, recommend appropriate solutions and manage their implementation;	The ability to design and conduct experiments, as well as to analyze and interpret data. The ability to design a system, component, or process to meet desired needs within realistic constraints, such as economic, environmental, social, political, ethical, health and safety, and manufacturability and sustainability.	Very similar
4	Xây dựng kế hoạch Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang đến lợi ích cho khách hàng, cộng đồng và xã hội;	Able to effectively communicate supply chain and supply chain component requirements, policies and procedures;	The ability to function in multi-disciplinary teams. The ability to communicate effectively.	Extremely similar
5	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề; Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau; Phối hợp làm việc với người khác một cách hiệu quả trong vai trò là một thành viên trong nhóm hay một nhà lãnh đạo truyền cảm hứng	Manage a department related to supply chain components, or for supply chain at enterprise level that provides an appropriate procedural, functional, systems and organisational base to suit a range of business organisations;	The ability to identify, formulate, and solve engineering problems. The ability to stay abreast of contemporary issues.	Similar

TT	KQHTMD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	ELOs of Curtin University of Technology (Australia)	ELOs of The Chinese University of Hongkong	Tỉ lệ (%) giống nhau
6	Thông thạo trong giao tiếp, đọc và hiểu được các tài liệu viết bằng tiếng Anh, đạt Chứng chỉ TOEIC từ 500 trở lên và đạt Chứng chỉ MOS về tin học.	Ability to see the business potential of new technologies, processes and systems as they emerge. Ability to appreciate, and apply where appropriate, the philosophies behind new methodological approaches as they emerge;	The ability to use the techniques, skills, and modern engineering tools necessary for engineering practice appropriate to the degree discipline. The ability to use the computer/IT tools relevant to the discipline along with an understanding of their processes and limitations	Similar (Tiếng Anh là bắt buộc)
7	Áp dụng hiệu quả các quy trình, kỹ thuật và công nghệ thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh	Apply communications and collaboration technologies to support international organisations. understanding and appreciation of the role of supply chains and supply chain components in supporting international organisations;	The ability to identify, formulate, and solve engineering problems. The ability to apply the skills relevant to the discipline of operations research and information technology and their applications in engineering and managerial decision making, especially in financial services, logistics and supply chain management, business information systems, and service engineering and management.	Similar
8	Vận dụng kiến thức Kinh tế quốc tế & hội nhập để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức một cách sáng tạo;	Apply professional skills to ensure ethical practices in areas including but not limited to privacy and information security. employ best practice techniques for the design, management and operation of	The understanding of professional and ethical responsibility	Similar

TT	KQHTMD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	ELOs of Curtin University of Technology (Australia)	ELOs of The Chinese University of Hongkong	Tỉ lệ (%) giống nhau
9	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội	supply chains and supply chain components in all organisations. Understand the range of potential impacts of supply chains and supply chain components on stakeholders and manage the implementation of supply chains and supply chain components that are appropriate to a wide range of stakeholders;	The ability to understand the impact of engineering solutions in a global and societal context, especially the importance of health, safety and environmental considerations to both workers and the general public.	Similar
10	Ý thức được sự cần thiết của việc học suốt đời; có khả năng tự học, tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của bản thân		The ability to recognize the need for, and to engage in life-long learning	Similar to the Chinese University of Hong Kong

17.2. Đối sánh nội dung chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành của ĐHQT ĐHQG - HCMC	CTĐT ngành của Trường ĐH SPKT TP.HCM	Curriculum of City HongKong University CUHK	Curriculum of RMIT University	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	149	154	150	120-144 credits	288 credits	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	62 môn/149 tín chỉ	Trong số 56 môn	Trong số 56 môn	Trong số 59 môn	Phải hoàn tất 24 môn	Khá tương đồng về nội
- Học phần đại cương	25 môn/ 51	49	56	36	72 (6 môn)	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành của ĐHQT ĐHQG - HCMC	CTĐT ngành của Trường ĐH SPKT TP.HCM	Curriculum of City HongKong University CUHK	Curriculum of RMIT University	Nhận xét
- Học phần cơ sở ngành	tín chỉ 13 môn/32	32	33		96 (8 môn)	dung và cấu trúc
- Học phần ngành/chuyên ngành	tín chỉ 23 môn/60 tín chỉ	58	47	84	72 (6 môn)	
- Học phần tốt nghiệp	6 tín chỉ	15 (5 Thực tập +10 Luận văn)	14 (4 Thực tập + 10 Luận văn)	17 (11 Thực tập +6 Đồ án)	48 (24 Thực tập + 24 Tiểu luận)	Luận văn và Thực tập các trường khá nhiều
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)						
Phương pháp giảng dạy/học tập	Chương trình tiếng Việt	Dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh tại VN	Chương trình có nâng cao bằng tiếng Anh	Chương trình Tiếng Anh	Chương trình tiếng Anh	
Học phí	147 Triệu	140 Triệu	85 Triệu	US\$54K	US\$40K	
Các đối sánh khác (nếu có)	TOEIC 550	79 TOEFL iBT, hoặc 6.5 IELTS	Theo chuẩn của ĐH SPKT	79 TOEFL iBT, hoặc 6.5 IELTS	79 TOEFL iBT, hoặc 6.5 IELTS	

18. Tầm nhìn và sứ mạng

• Tầm nhìn và sứ mạng của Trường

❖ Tầm nhìn

Đến năm 2025, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là một trường đại học ứng dụng và thực hành, đa ngành, đa bậc học, gắn với nhu cầu phát triển trong và ngoài nước, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

❖ Sứ mạng

Trường ĐH NTT cam kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

• Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa

❖ Tầm nhìn

Khoa Quản trị kinh doanh theo hướng thực hành và nghiên cứu ứng dụng, phục vụ nhu cầu của các tổ chức và doanh nghiệp, đào tạo đạt chuẩn khu vực và quốc tế, tạo lập được uy tín cao tại Việt Nam và châu Á.

❖ Sứ mạng

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng và có tính cạnh tranh cao cho nhu cầu của TP.HCM, Việt Nam và khu vực.

Chuẩn bị cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và phát triển cá nhân trong tương lai.

Tạo ra một môi trường thuận lợi cho các giảng viên, sinh viên, và các nhà nghiên cứu, để giảng dạy và nghiên cứu, chú trọng đến tính sáng tạo và khởi nghiệp của sinh viên.

19. Sơ đồ tổ chức Khoa



20. Thông tin liên hệ

- Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
- Địa chỉ: Lầu 1, Cơ sở An Phú Đông, số 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM
- Điện thoại: 028 – 62565693, Số lẻ: 222
- Email: qtkd@ntt.edu.vn
- Website: www.qtkd.ntt.edu.vn

21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo (dự kiến)
Năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG *ai*
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Xuân Nhĩ